

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2024.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Nguyễn Việt Tú.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:* Chị và anh Hoàng Mạnh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị hoà thuận,

hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2024 chị đã chuyển ra ngoài ở, không còn chung sống cùng anh Đ nữa, vợ chồng ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng anh Đ và bố mẹ anh Đ được anh Đ và bố mẹ anh Đ chăm sóc tốt nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả 02 con chung cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện nay chị đang làm lao động tự do chưa có nhà cửa ổn định để đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu, tổng 2 cháu là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Hoàng Mạnh Đ*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2024 bà Trần Thị C (mẹ đẻ anh Đ) trình bày*: Chị H và anh Đ được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (lý do anh chị đăng ký kết hôn tại X, huyện Y là do lúc đó gia đình nhà bà sinh sống và làm việc tại xã X, huyện Y). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2024 chị H và anh Đ không còn chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị H xin ly hôn bà cũng đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Chị H và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay cả 02 con chung của anh chị đang ở cùng anh Đ và vợ chồng bà, được anh Đ và vợ chồng bà chăm sóc tốt. Khi anh chị ly hôn bà đề nghị Toà án giao cả 02 con chung của anh chị cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm giúp đỡ anh Đ trong việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu T, cháu A. Chị H có ý kiến cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ là 1.500.000đ/ 01 cháu/ 01 tháng bà cũng nhất trí. Việc chị H xin ly hôn anh Đ biết rõ nhưng do anh Đ bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được. Các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh Đ báo anh Đ đến làm việc bà đều đã nhận được và đã giao lại cho anh Đ. Vì vậy bà đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh Đ.

4, *Nguyên vọng của cháu Hoàng Kim T*: Cháu T có nguyên vọng xin ở với anh Đ.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 28/8/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị Trần Thị H và anh Hoàng Mạnh Đ không đăng ký kết hôn tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ mà có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (do lúc đó gia đình anh Đ sinh sống và làm việc tại xã X, huyện Y). Đến năm 2016 gia đình anh Đ mới chuyển về sinh sống và làm việc tại khu T, thị trấn C, huyện C. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 4 năm 2024 chị H đã ra ngoài ở và không còn chung sống cùng anh Đ nữa. Từ đó anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay các con chung đang ở với anh Đ và bố mẹ anh Đ (là bà Trần Thị C và ông Hoàng Văn Đ1), được anh Đ và bố mẹ anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được ăn học đầy đủ. Trường hợp anh chị ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Hoàng Mạnh Đ.

Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020 cho anh Hoàng Mạnh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu A là 1.500.000đ/ 01 tháng/ 01 cháu. Tổng 02 cháu là 3.000.000đ/ 01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 đến khi từng con chung thành

niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Đ có hộ khẩu thường trú tại khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh Đ đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Phía anh Đ được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh Đ có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh Đ là bà Trần Thị C xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 anh chị không còn chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Khi

anh chị mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung chưa thành niên là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay cả 02 con chung đang ở với anh Đ, được anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ngoài ra anh Đ còn được sự giúp đỡ của gia đình trong việc chăm sóc con chung. Phía chị H làm lao động tự do chưa có nhà cửa ổn định để đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu T và cháu A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Khi ly hôn chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu A cùng anh Đ là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 cháu/ 01 tháng, tổng 02 cháu là 3.000.000đ/ 01 tháng. Kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Hoàng Mạnh Đ.

[2]. Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Hoàng Kim T, sinh ngày 08/3/2017 và Hoàng Kim A, sinh ngày 04/8/2020 cho anh Hoàng Mạnh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu A là 1.500.000đ/ 01 tháng/ 01 cháu. Tổng 02 cháu là 3.000.000đ/ 01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004927 ngày 24/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã X, huyện Y;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền